

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày: 31 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Hoàng Thị Bằng

2. Nguyễn Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiện Doanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị B; Sinh ngày: 06/5/1981 tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện H, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Ngọc B, sinh năm 1955 và bà: Bùi Thị Đ; sinh năm 1955, cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980, trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2017 đến ngày 04/02/2018, sau đó được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh đến ngày 05/3/2018.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thu T; Sinh ngày: 24/8/1995 tại Đức Long, Hòa An, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trung T; Sinh năm 1972 và bà: Triệu Thị M; Sinh năm 1974; Cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Thu H; Sinh ngày: 21/3/1988 tại huyện N, Cao Bằng. Nơi cư trú: Tổ 01, phố H, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phương L; Sinh năm: 1954 (đã chết) và bà: Bùi Thị B; Sinh năm: 1954; trú tại: huyện N, Cao Bằng; Chồng: Nông Quốc T; Sinh năm: 1987; trú tại: Thị trấn N, huyện H, Cao Bằng và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Tô Thị L (tên gọi khác: Tô Thị Lan); Sinh ngày: 12/10/1974 tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng; Giới tính: Nữ. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Dân tộc: Tày. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tô Ngân N; Sinh năm: 1936 và bà: Nông Thị N; Sinh năm: 1936. Cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Lý Văn T; Sinh năm 1968. Trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Dương Thị S (tên gọi khác: Dương Thị L); Sinh ngày: 17/5/1970 tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Dương Văn A; Sinh năm 1930 (đã chết) và bà: Hà Thị P; Sinh năm: 1934. Trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Triệu Cương Q; Sinh năm 1967. Trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Thị H; Sinh ngày: 22/12/1983 tại xã H, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: Tổ 06, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Lê Tiến H; Sinh năm 1958 và bà: Phan Thị T; Sinh năm: 1960. Cùng trú tại: xã H, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Khoảng Thanh M; Sinh năm 1977. Trú tại: phường Đ, thành phố C, Cao Bằng và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Hoàng Thị B; Sinh ngày: 23/3/1968 tại xã D, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm P, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Triệu Quốc H; Sinh năm 1948 và bà: Hoàng Thị S; Sinh năm: 1946. Cùng trú tại: xã D, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Nông Thế M; Sinh năm 1965. Trú tại: xã D, huyện H, Cao Bằng và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lục Thị M; Sinh ngày: 14/5/1953 tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Trình độ học vấn: 07/10. Giới tính: Nữ.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Lục Văn C; Sinh năm 1923 và bà: Lý Thị S; Sinh năm: 1923. Cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Sầm Văn Th; Sinh năm 1941 (đã chết) và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Đàm Thị Hồng G; Sinh ngày: 29/12/1997 tại Đức Long, Hòa An, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Đàm Văn Th; Sinh năm 1978 và bà: Hà Thị H; Sinh năm: 1980. Cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có chồng: Triệu Duy C; Sinh năm 1990. Trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng và có 01 con, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Triệu Việt D; Sinh ngày: 28/7/1972 tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Con ông: Triệu Sỹ D; Sinh năm 1950 và bà: Dương Thị B; Sinh năm: 1949. Cùng trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng. Có vợ: Lê Thị Hồng Th; Sinh năm 1972. Trú tại: xã Đ, huyện H, Cao Bằng và 01 con. Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 16/6/2016 có hành vi tổ chức đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An tuyên phạt tiền 10.000.000đ. Chấp hành xong bản án ngày 28/5/2018.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hồng T; sinh ngày: 20/9/1980; (Có mặt).
2. Nguyễn Thị Thùy N; sinh ngày: 11/9/1991; (Có mặt).

Cùng cư trú: xóm K, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

3. Nông Thị L; sinh ngày: 16/12/1968; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm P, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị T; sinh ngày: 21/7/1952; (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 1, phố G, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng

2. Lục Thị L; sinh ngày: 27/10/1977; (Có mặt).
3. Lục Thị H; sinh ngày: 16/11/1985; (Có mặt).
4. Trương Thị T; sinh ngày: 17/4/1988; (Có mặt).
5. Lục Văn A; sinh ngày: 15/11/1988; (Vắng mặt không có lý do).

Cùng cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

6. Nông Thị Đ; sinh ngày: 01/7/1953; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm N, xã H, thành phố C

7. Đàm Hồng S; sinh ngày: 15/9/1968; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

8. Hoàng Thị R; sinh ngày: 07/8/1956; (Có mặt).

9. Nông Thị U; sinh ngày: 15/12/1963; (Vắng mặt không có lý do).

10. Nông Thị Ph; sinh ngày: 22/12/1964; (Vắng mặt không có lý do).

11. Sầm Văn L; sinh ngày: 16/11/1987; (Có mặt).

12. Nông Vũ T; sinh ngày: 22/02/1972; (Vắng mặt không có lý do).

13. Nông Thị L; sinh ngày: 05/10/1986; (vắng mặt không có lý do).

14. Lý Thị D; sinh ngày: 22/12/1964; (Có mặt).

15. Lý Văn Th; sinh ngày: 26/02/1985; (Có mặt).

Cùng cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

16. Sầm Thị Lốp; sinh ngày: 10/02/1949; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

17. Bế Thị Dinh; sinh ngày: 18/9/1972; (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện H, Cao Bằng

18. Lý Thị Thùy; sinh ngày: 30/01/1981; (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: xóm M, xã D, huyện H, Cao Bằng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/12/2017, các tổ công tác của Công an huyện Hòa An phát hiện, bắt quả tang 03 đối tượng là: Lê Thị B, Tô Thị L và Dương Thị S (cùng trú tại xã Đ, huyện H, Cao Bằng) đang có hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề tại nhà riêng. Sau đó, lần lượt trong các ngày 29/12/2017 và 01/01/2018 có thêm 02 đối tượng là Đàm Thị Hồng G và Nguyễn Thu T đã đến Cơ quan Công an để đầu thú về hành vi đánh bạc của mình. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của B, L, S và các đối tượng liên quan Cơ quan điều tra Công an huyện thu giữ số tiền 128.205.000 đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*), 13 (*Mười ba*) điện thoại di động, 01(*một*) máy FAX nhãn hiệu

PANASIC và nhiều đồ vật, tài liệu khác liên quan đến hành vi ghi số lô, số đề của các đối tượng nói trên.

Các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện hình thức chơi, tỷ lệ thắng thua, quy ước nhắn tin, thanh toán của các đối tượng trong vụ án này như sau:

- Về hình thức chơi và tỷ lệ thắng thua: Người chơi lô, đề dùng điện thoại di động để gọi điện hoặc nhắn tin đặt cược tiền với Chủ đề thông qua các Thư ký. Hình thức đặt cược gồm: Đặt cược chơi “lô”, đặt cược chơi “đề”, đặt cược chơi “xiên” và đặt cược chơi “ba số”. Căn cứ để xác định người chơi có trúng thưởng hay không là kết quả quay thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc lúc khoảng 18 giờ 15 phút hàng ngày. Đối với hình thức chơi “đề”, người chơi lựa chọn một cặp số tự nhiên từ 00 đến 99 để đặt cược, nếu cặp số này trùng 02 số cuối của giải đặc biệt thì thắng cược, tỷ lệ thắng cược là 1 ăn 70. Đối với hình thức chơi “lô”, người chơi lựa chọn cặp số tương tự như “đề”, nhưng kết quả đối chiếu với hai số cuối của tất cả các giải, từ giải đặc biệt đến giải 7; 01 (một) điểm lô giá trị tương đương từ 22.000 đồng đến 23.000 đồng tùy từng trường hợp và theo đó, tỷ lệ thắng cược có thể là 22 ăn 80 hoặc 23 ăn 80, người chơi “lô” có thể thắng cược gấp nhiều lần tương ứng với số lần xuất hiện của cặp số đã chọn. Đối với hình thức chơi “xiên” người chơi lựa chọn nhiều hơn một cặp số để đặt cược, đối chiếu với hai số cuối cùng của tất cả các giải, từ giải đặc biệt đến giải 7, nếu tất cả các cặp số đặt cược cùng lúc có trong kết quả giải thưởng thì người chơi trúng số xiên; về số lượng các cặp số và tỷ lệ thắng bạc, nếu người chơi chọn ghi 2 cặp số thì gọi là xiên 2, tỉ lệ thắng cược là 1 ăn 10; ghi 3 cặp gọi là xiên 3, tỉ lệ thắng cược là 1 ăn 40; ghi 4 cặp gọi là xiên 4, tỉ lệ thắng cược là 1 ăn 100. Đối với hình thức chơi “ba số” (hay ba càng) người chơi sẽ tự chọn một dãy số gồm 03 chữ số, nếu dãy số do người chơi chọn trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì sẽ thắng, tỉ lệ thắng cược là 1 ăn 350.

- Về quy ước nhắn tin: Người chơi đề sẽ nhắn tin ghi là “De” rồi ghi các số hoặc dàn số đi trước, dấu “x” rồi đến số tiền cược là các con số tự nhiên, đằng sau có ký tự “k” hoặc “n”, hoặc không ghi gì và được hiểu là nghìn đồng. Nếu người chơi đặt cược với số tiền lớn hơn thì chỉ ghi đến 4 số (1.000 quy ước là một triệu đồng) hoặc ghi rõ “triệu”. Người chơi lô sẽ nhắn tin ghi là “Lo” rồi ghi các con số đặt cược, dấu x tiếp theo là số điểm cược, mỗi điểm được tính là 22.000 đồng hoặc 23.000 đồng. Tương tự như vậy, người chơi “ba số” hoặc “xiên” cũng nhắn tin trong đó thể hiện những cặp số được chọn và số tiền cược tương ứng.

- Về cách thức nhận cược, thanh toán: Hàng ngày các Thư ký đề là người trực tiếp nhận cược từ người chơi sau đó tổng hợp thành bảng và chuyển cho Chủ đề để được trích L tiền phần trăm hoa hồng. Khi có kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc thì chủ đề, thư ký và người chơi sẽ đối chiếu, so sánh để xác định người trúng thưởng sau đó liên lạc, gặp nhau trực tiếp để thanh toán tiền cược, tiền trúng thưởng bằng tiền mặt (tiền VNĐ).

Hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

1. Bị cáo Lê Thị B

Khoảng tháng 10/2017, thông qua việc làm ăn với một số đại lý trên địa bàn các huyện H và Q, do thấy các đại lý này có nhận ghi số lô, số đề của những người chơi tại địa phương nên Lê Thị B đã đặt vấn đề với một số chủ đại lý gồm: Tô Thị L, Dương Thị S, Nông Thị L, Hoàng Thị B và cháu gái của B là Lê Thị H, Nguyễn Thị Thùy N để họ chuyển những bảng lô, đề ghi được cho B thông qua số điện thoại B thường sử dụng là 01683125188 để hưởng tiền phần trăm hoa hồng cho thư ký và được những người này đồng ý. Sau khi nhận được bảng lô, đề của những người này B, L chuyển tiếp cho hai người khác là Nguyễn Thị T (Đại lý xổ số tại Hòa An) và Nguyễn Thị Thu H (trú tại: Tổ 1, phố H, thị trấn N, huyện H) để được hưởng tiền phần trăm hoa hồng, cụ thể: Biên nhận bảng đề của thư ký với tỷ lệ là 75% trên tổng số tiền chơi đề và 22.500 đồng/1 điểm lô. Sau khi nhận bảng B tiếp tục chuyển bà Tu với tỷ lệ 74% đối với đề (B được hưởng 1%); chuyển cho H với tỷ lệ 72,5% đối với đề, 22.000 đồng/1 điểm lô, qua đó được hưởng lợi 2,5% trên tổng số tiền đề, 500 đồng/1 điểm lô, còn các hình thức đánh khác như xiên, ba số B không được hưởng lợi (riêng ngày 23 và 28/12/2017 Biên hưởng lợi 7,5% số tiền đánh đề trong bảng đề B đã nhận với Hoàng Thị B). Đến khoảng tháng 12/2017, do bận công việc nên B nhờ cháu gái là Nguyễn Thu Th dùng số điện thoại 01689654866 nhận bảng lô đề giúp từ các thư ký nói trên sau đó tổng hợp và chuyển cho B.

Kết quả điều tra chứng minh được: Trong 10 ngày (từ ngày 17/12/2017 đến ngày 28/12/2017), B đã nhận bảng lô đề của các thư ký với tổng số tiền là 152.165.000 đồng (cụ thể trong đó có 52.540.000 đồng tiền cược đề, 98.325.000 đồng tiền cược lô, 1.000.000 đồng tiền ba số, 300.000 đồng tiền cược xiên), tổng số tiền người chơi trúng thưởng trong 10 ngày này là 186.800.000 đồng. Như vậy, căn cứ quy định tại tiết a, điểm 5.1 khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền người chơi lô, đề đã dùng để dùng đánh bạc với Chủ đề thông qua Lê Thị B trong 10 ngày nói trên là 338.965.000 đồng. Riêng ngày 28/12/2018, Biên nhận bảng đề từ các Thư ký với tổng số tiền là 18.635.000 đồng nhưng chưa kịp chuyển cho ai khác thì bị Công an huyện Hòa An phát hiện, bắt quả tang. Thông qua việc nhận, chuyển bảng đề như trên Lê Thị B đã thu lợi được số tiền là **21.640.900 đồng** (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi chín trăm đồng).

2. Bị cáo Nguyễn Thu T

Vào khoảng đầu tháng 11/2017, Nguyễn Thu Th được Lê Thị B nhờ nhận giúp các bảng ghi lô, đề với các thư ký sau đó tổng hợp và chuyển cho B qua tin nhắn điện thoại di động. T được B giao cho 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, gắn sim có số thuê bao là 01689654866, trong danh bạ có lưu sẵn số điện thoại của các khách thường xuyên chuyển bảng số lô, đề. Hàng ngày các thư

ký sẽ nhắn tin hoặc gọi điện trực tiếp đến chỗ T thông qua số điện thoại này để chuyển bảng (lô, đề) sau đó Thủy tổng hợp L và chuyển tiếp cho Lê Thị B qua số điện thoại của B là 01683125188. Riêng đối với trường hợp của Dương Thị S thì T gọi điện trực tiếp để S đọc bảng đề, T ghi L rồi chụp ảnh chuyển qua tài khoản ứng dụng zalo cá nhân của B (ứng dụng zalo này được B đăng ký bằng số điện thoại 0911751888).

Trong 07 ngày (Từ ngày 17/12/2017 đến ngày 28/12/2017) Nguyễn Thu T đã nhận bảng số lô, số đề của 05 người là: Dương Thị S, Tô Thị L, Hoàng Thị B, Lê Thị H và Nguyễn Thị Thùy N chuyển đến với tổng số tiền 73.260.000 đồng, trong đó có 02 ngày số tiền trong bảng Thủy đã nhận là trên 20.000.000 đồng (Cụ thể ngày 21/12 số tiền nhận là 23.800.000 đồng, ngày 28/12 là 22.785.000 đồng); số tiền người chơi trúng thưởng trong 07 ngày này là 82.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà người chơi dùng để đánh bạc với Chủ đề thông qua Nguyễn Thu T là 156.060.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). T không được hưởng lợi gì khi chuyển bảng lô, đề giúp Lê Thị B.

3. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H

Trong tháng 11/2017, Nguyễn Thị Thu H được Lê Thị B đặt vấn đề chuyển bảng số lô, số đề để cùng hưởng phần trăm, H biết B có nhiều đầu mối thư ký nên đã đồng ý. H sử dụng điện thoại có gắn sim số thuê bao là 0975454296 (đăng ký tên Nông Quốc T, chồng của H) để nhận bảng lô, đề với B. Khi chuyển bảng cho H thì B dùng số điện thoại 01683125188 và gọi điện trực tiếp để H ghi lại, sau đó H gửi lại tin nhắn cho B để xác nhận. H nhận bảng đề của B với tỷ lệ là 72,5% trên tổng số tiền chơi đề và 22.000 đồng/1 điểm lô, 90% đối với chơi ba số; sau khi nhận bảng H tiếp tục chuyển cho một người phụ nữ tên D ở Hà Nội với tỷ lệ là 72% trên tổng số tiền đề, 21.900 đồng/1 điểm lô, 85% đối với chơi ba số qua đó được hưởng lợi tỷ lệ 0,5% trên tổng số tiền đề, 100 đồng/1 điểm lô, 5% đối với chơi ba số.

Trong ngày 27/12/2017, H đã nhận bảng đề từ B với tổng số tiền trong bảng là 48.000.000 đồng (trong đó có 5.700.000 đồng tiền cược đề, 41.800.000 đồng tiền cược lô, 500.000 đồng tiền cược ba số) sau đó chuyển cho người tên là D ở Hà Nội. Số tiền người chơi trúng thưởng trong bảng đề này là 48.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền người chơi đã dùng đánh bạc với Chủ đề thông qua Nguyễn Thị Thu H là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng). Thông qua việc chuyển bảng H được hưởng số tiền phần trăm hoa hồng là **243.500 đồng** (Hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

4. Bị cáo Tô Thị L

Tô Thị L thường sử dụng điện thoại di động có số sim thuê bao là 0977.926.533 để nhận tin nhắn đặt cược lô, đề hoặc trực tiếp ghi lô, đề của những người chơi tại nhà, sau đó tổng hợp L thành bảng rồi chuyển cho Lê Thị B (chuyển thông qua số điện thoại 01683.125.188 của Lê Thị B hoặc thông qua số điện thoại 01689.654.866 của Nguyễn Thu Th) để được hưởng tiền phần trăm

hoa hồng. L nhận ghi đề của khách chơi với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền đề (trích lại cho khách 20%) và 23.000 đồng/1 điểm lô, sau đó L tổng hợp lại và chuyển lại bảng lô, đề cho B với tỷ lệ là 75% trên tổng số tiền đề, 22.500 đồng/1 điểm lô, qua đó được hưởng lợi 5% trên tổng số tiền đề, 500 đồng/1 điểm lô, đối với xiên và các hình thức đánh bạc khác không được hưởng lợi phần trăm. (Riêng đối với Lục Thị M thì L tính 22.500 đồng/ 1 điểm lô, quá trình chuyển bảng L không được hưởng tiền phần trăm)

Từ ngày 25/8/2017 đến ngày 28/12/2017, L đã 28 lần (ngày) chuyển bảng ghi lô, đề trực tiếp cho Lê Thị B (hoặc thông qua Nguyễn Thu T) với tổng số tiền là 350.553.000 đồng (trong đó: Số tiền cược đề là 133.162.000 đồng, số tiền cược lô là 217.181.000 đồng, số tiền cược xiên là 210.000 đồng). Trong số này có 07 ngày các ngày 19 – 22, 24/12, ngày 26 và 27/12/2017 số tiền mà L chuyển cho B mỗi ngày trên 20.000.000 đồng. Tổng số tiền người chơi trúng thưởng trong 28 ngày này là 183.140.000 đồng, như vậy tổng số tiền mà người chơi dùng để đánh bạc với Chủ đề thông qua Tô Thị L là 533.693.000 đồng. Qua đó L được hưởng tiền phần trăm hoa hồng là **13.989.900 đồng** (Mười ba triệu chín trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Trong đó riêng ngày 28/12/2017, sau khi nhận cược với các khách đánh số tiền 10.033.600 đồng (đã trừ phần trăm cho khách), L mới chỉ kịp chuyển bảng cho Biển số tiền 1.650.000 đồng (đã được trừ phần trăm) thì bị bắt quả tang, số tiền hưởng lợi trong ngày là 8.383.600 đồng.

5. Bị cáo Dương Thị S

Dương Thị S làm thư ký ghi lô, đề tại nhà rồi tổng hợp và chuyển bảng cho Lê Thị B bằng hình thức gọi điện thoại trực tiếp từ số điện thoại của S là 0989.496.450 đến số điện thoại của B là 01683.125.188. Đến khoảng tháng 12/2017, S chuyển bảng cho B thông qua Nguyễn Thu T. S nhận ghi đề của khách chơi với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền đề (trích lại cho khách 20%) và 23.000 đồng/1 điểm lô, sau đó S tổng hợp lại và chuyển lại bảng lô, đề cho B với tỷ lệ là 75% trên tổng số tiền đề, 22.500 đồng/1 điểm lô, qua đó được hưởng lợi 5% trên tổng số tiền đề, 500 đồng/1 điểm lô

Từ ngày 25/10/2017 đến ngày 28/12/2017, Dương Thị S đã 65 lần (ngày) chuyển bảng cho Lê Thị B với tổng số tiền là 155.273.000 đồng, (Tiền cược đề là 66.746.000 đồng, tiền cược lô là 88.527.000 đồng). Tổng số tiền người chơi trúng thưởng trong 65 lần này là 110.194.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền người chơi dùng để đánh bạc với Chủ đề trong 65 ngày thông qua Dương Thị S là 265.467.000. Trong đó có 16 ngày số tiền người chơi dùng đánh bạc trên 5.000.000đ dưới 20.000.000đ. Qua đó Dương Thị S được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là **5.261.800 đồng** (Năm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng).

6. Bị cáo Lê Thị H

Lê Thị H nhận ghi số lô, số đề của những người đánh bạc tại nhà và chuyển bảng cho Lê Thị B để hưởng lợi phần trăm, H sử dụng số điện thoại 01672.085.751 gửi tin nhắn đặt cược lô, đề đến số điện thoại của B là 01683.125.188 (Hoặc thông qua số điện thoại 01689.654.866 của Nguyễn Thu T để T chuyển cho B). H nhận ghi đề của khách chơi với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền đề (trích lại cho khách 20%) và 23.000 đồng/1 điểm lô, sau đó H tổng hợp lại và chuyển lại bảng lô, đề cho B với tỷ lệ là 75% trên tổng số tiền đề, 22.500 đồng/1 điểm lô, qua đó được hưởng lợi 5% trên tổng số tiền đề, 500 đồng/1 điểm lô.

Kết quả điều tra chứng minh được: Ngày 28/12/2017, Lê Thị H gửi tin nhắn đặt cược đề với B qua số điện thoại 01689.654.866, số tiền 5.450.000 đồng, căn cứ kết quả quay thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc không trúng thưởng, số tiền dùng đánh bạc trong ngày 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Lê Thị H được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là **272.500 đồng** (Hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

7. Bị cáo Hoàng Thị B

Hoàng Thị B nhận ghi số lô, số đề của những người chơi tại nhà riêng ở xóm P, xã Đ, huyện Q, Cao Bằng sau đó chuyển bảng lô, đề đã ghi được cho Lê Thị B để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. B sử dụng điện thoại di động gắn số sim thuê bao 01689.736.942 của mình gọi đến số điện thoại của Nguyễn Thu T để đọc bảng đề cho T ghi L sau đó chuyển lại cho B. B nhận ghi đề của khách chơi với tỷ lệ là 90% trên tổng số tiền đề (trích lại cho khách 10%) và 23.000 đồng/1 điểm lô, sau đó B tổng hợp lại và chuyển lại bảng lô, đề cho B với tỷ lệ là 80% trên tổng số tiền đề, 22.500 đồng/1 điểm lô, qua đó được hưởng lợi 10% trên tổng số tiền đề, 500 đồng/1 điểm lô.

Kết quả điều tra chứng minh được: Trong 5 ngày (ngày 23, ngày 25 đến 28/12/2017) Hoàng Thị B đã nhận và chuyển cho Lê Thị B tổng số tiền 4.923.000 đồng (đề 4.440.000 đồng, lô 483.000 đồng). Số tiền đánh bạc trong cả 05 ngày là 11.163.000 đồng (Riêng ngày 23/12/2017 số tiền khách dùng đánh bạc thông qua Hoàng Thị B là 5.000.000 đồng). Qua đó B được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là **454.500 đồng** (Bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An xác định được 20 người đã cược tiền đánh lô, đề với Tô Thị L, gồm: Lục Thị M, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D, Lục Văn A, Lý Văn T, Sầm Văn L, Nông Vũ T, Nông Thị U, Đàm Hồng S, Lục Thị H, Lý Thị D, Nông Thị L, Lục Thị L, Lý Thị T, Trương Thị T, Nông Thị P, Hoàng Thị R, Sầm Thị L, Bé Thị D (đều trú tại huyện H, Cao Bằng) và Nông Thị Đ (trú tại thành phố C). Qua lời khai của các đối tượng và tài liệu, chứng cứ thu thập được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã ra quyết định khởi tố bị can đối với 03 đối tượng: Lục Thị M, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D về Tội đánh bạc.

8. Bị cáo Lục Thị M

Trong tháng 12/2017, Lục Thị M nhiều lần sử dụng điện thoại di động có gắn số sim thuê bao là 01684.296.729 gọi điện trực tiếp cho Tô Thị L để ghi số lô, kết quả điều tra chứng minh được: Trong 08 ngày (từ ngày 14/12/2017 đến ngày 27/12/2017) Lục Thị M đặt cược chơi “lô” với Tô Thị L tổng số tiền là 211.500.000 đồng, kết quả đã trúng thưởng tổng cộng 120.000.000 đồng. Số tiền Lục Thị M dùng để cược “lô” trong mỗi ngày đều trên 5.000.000 đồng, trong đó có 02 ngày số tiền cược và trúng thưởng là trên 50.000.000 đồng:

- Ngày 21/12/2017 Lục Thị M cược với Tô Thị L số tiền 22.500.000 đồng, kết quả trúng thưởng 40.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Lục Thị M dùng để cược và trúng thưởng trong ngày là 62.500.000 đồng.

- Ngày 26/12/2017, Lục Thị M cược với Tô Thị L số tiền là 22.500.000 đồng, kết quả đã trúng thưởng 80.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Lục Thị M dùng để cược và trúng thưởng trong ngày là 102.500.000 đồng.

9. Bị cáo Đàm Thị Hồng G

Trong tháng 12/2017, Đàm Thị Hồng G nhiều lần sử dụng điện thoại di động có số sim thuê bao là 0979.119.118 nhắn tin đến số điện thoại 0977.926.533 của Tô Thị L để đặt cược tiền chơi lô, đề. Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 28/12/2017 G đã nhắn tin đặt cược 11 lần (ngày) với L tổng số tiền là 111.600.000 đồng, kết quả đã trúng thưởng tổng cộng 56.000.000 đồng. Trong tất cả 11 ngày nói trên, mỗi ngày số tiền Đàm Thị Hồng G dùng để cược và trúng thưởng đều trên 5.000.000 đồng (thấp nhất là 8.000.000 đồng, cao nhất là 25.200.000 đồng).

10. Bị cáo Triệu Việt D

Triệu Việt D là người có tiền án về Tội đánh bạc, chưa được xóa án tích. Trong tháng 12/2017 D đã nhiều lần sử dụng điện thoại di động có số sim thuê bao là 01238.310.289 để gửi tin nhắn đến số điện thoại 0977.926.533 của Tô Thị L để đặt cược tiền đánh lô, đề. Trong 10 ngày, từ ngày 01/12/2017 đến ngày 16/12/2017 D đã nhắn tin đặt cược với L tổng số tiền là 786.000 đồng (trong đó cược đề 576.000 đồng, cược xiên là 210.000 đồng) nhưng đều không trúng thưởng.

Đây là vụ án tổ chức đánh bạc, đánh bạc do Lê Thị B và các đồng phạm thực hiện. Các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thị Thu H, Tô Thị L, Hoàng Thị B, Lê Thị H, Dương Thị S đều đóng vai trò là các Thư ký nhận cược số lô, số đề của những người chơi sau đó tổng hợp, chuyển bảng cho Chủ đề để được nhận tiền phần trăm hoa hồng. Trong đó: Bị can Lê Thị B đóng vai trò chính, là người rủ rê, lôi kéo những người khác (các bị cáo L, B, H, S - là Thư ký ghi lô, đề) chuyển bảng cho bị cáo B để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Sau khi nhận được bảng lô, đề từ các Thư ký này bị cáo B, L chuyển tiếp cho bị cáo H và Nguyễn Thị T (Đại lý xổ số tại Hoà An), bị cáo H cũng chuyển tiếp bảng lô, đề đã nhận được từ bị cáo B cho một người khác ở Hà Nội cũng đều với mục đích để nhận tiền phần

trăm hoa hồng. Còn bị cáo T tuy không hưởng lợi nhưng đóng vai trò là đồng phạm, giúp sức tích cực cho bị cáo B trong quá trình nhận, chuyển băng lô, đề trong thời gian từ khoảng đầu tháng 11/2017 đến khi bị cơ quan Công an huyện Hoà An phát hiện, bắt quả tang. Trên cơ sở số tiền các bị cáo đã nhận cược từ những người chơi trong từng ngày đã chứng minh được, đối chiếu với các quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số: 01/2010/NQ-HĐTP, ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu T, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành Tội tổ chức đánh bạc; hành vi của các bị cáo Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B tuy có dấu hiệu của Tội tổ chức đánh bạc nhưng do số tiền các bị can nhận cược từ những người chơi mỗi ngày đều ở mức dưới 20.000.000 đồng nên chỉ đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc với vai trò là đồng phạm. Ngoài các bị cáo trên, hành vi của bị cáo Lục Thị M, Triệu Việt D, Đàm Thị Hồng G đều đã đủ yếu tố cấu thành Tội đánh bạc theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo Nguyễn Thu T, Đàm Thị Hồng G đã tự mình đến Cơ quan công an để đầu thú. Quá trình điều tra các bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngoài các vật chứng có liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc, qua khám xét cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Hòa An đã thu giữ nhiều giấy tờ tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy tờ mua bán, Giấy vay nợ...) tại nhà của các bị cáo. Qua xác minh Cơ quan điều tra đã trả L một số đồ vật, tài liệu không liên quan đến hành vi phạm tội cho chủ sở hữu hợp pháp.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Tại bản cáo trạng số 31/CTr-VKSHA ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu T, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lục Thị M về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo;

Về hình phạt Đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ **Lê Thị B** :Áp dụng khoản 1 Đ 249; Điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội Tổ chức đánh bạc. **xử phạt B từ 60 - 70 triệu đồng.**

Truy thu số tiền: 21.640.900 đồng là tiền thu lợi bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

2/ Nguyễn Thu T: Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điểm h, p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 (đầu thú); Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu T phạm tội Tổ chức đánh bạc. ***xử phạt T từ 15 - 20 triệu đồng.***

- Hình phạt bổ sung: Không

3/ Nguyễn Thị Thu H: Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội Tổ chức đánh bạc - ***xử phạt H từ 20 - 25 triệu đồng.***

Truy thu số tiền: 243.500 đồng là tiền thu lời bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

4/ Tô Thị L: Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 (có công); Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Tô Thị L phạm tội Tổ chức đánh bạc- ***xử phạt L từ 40 đến 50 triệu đồng.***

Truy thu số tiền: 13.989.900 đồng là tiền thu lời bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

5/ Dương Thị S: Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, Điều 46 ; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự . Tuyên bố bị cáo Dương Thị S phạm tội Đánh bạc- ***xử phạt S từ 25 - 30 triệu đồng.***

Truy thu số tiền: 5.261.800 đồng là tiền thu lời bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

6/ Lê Thị H: Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự . Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội Đánh bạc- ***xử phạt H từ 10 - 15 triệu đồng.***

Truy thu số tiền: 272.500 đồng là tiền thu lời bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

7/ Hoàng Thị B: Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 (có công); Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị B phạm tội Đánh bạc- ***xử phạt B từ 10- 15 triệu đồng.***

Truy thu số tiền: 454.500 đồng là tiền thu lời bất chính.

- Hình phạt bổ sung: Không

8/ Lục Thị M: Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 248; Điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 (có công); Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 60 Bộ luật hình sự. . Tuyên bố bị cáo Lục Thị M phạm tội Đánh bạc- ***xử phạt M 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm.***

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự. Phạt tiền từ 15 đến 20 triệu đồng.

9/ Đàm Thị Hồng G: Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 (đầu thú); Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đàm Thị Hồng G phạm tội Đánh bạc - ***xử phạt G từ 20 - 25 triệu đồng.***

- Hình phạt bổ sung: Không

10/ Triệu Việt D: Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, Điều 46, ; Điều 20 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Triệu Việt D phạm tội Đánh bạc- **xử phạt D từ 15 - 20 triệu đồng.**

- Hình phạt bổ sung: Không

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 BLTTHS 2015, đề nghị HĐXX tuyên

*Trả lại tiền thu giữ cho Lê Thị B số tiền: 118.185.000đ

Tô Thị L: 3.570.000đ

Dương Thị S, 2.080.000đ – 1.333.500đ =746.500đ

(Tịch thu 1.333.500đ , trả lại 746.500đ)

Nguyễn Thị L: 2.600.000đ

Nguyễn Thị Thùy N 1.770.000đ

Riêng số tiền thu giữ của các bị cáo cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu phát mãi xung công quỹ nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng vỏ ngoài ghi chữ Iphone, có số IMEI 355673073062288, gắn số sim 01683125188. Của Lê Thị B

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu bạc trắng, có số IMEI: 865266034566993, gắn số sim 0989496450. Của Dương Thị S

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A3 màu đen có số IMEI: 357572062602211, gắn số sim 0977926533. Của Tô Thị L

- 01 (một) điện thoại NOKIA 105 màu đen có số IMEI: 357289081151928, gắn số sim 0979119118. Của Đàm Thị Hồng G

- 01 (một) điện thoại MASTEL màu đen có số IMEI: 301014164911551, gắn số sim 01684296729. Của Lục Thị M

- 01 (một) chiếc điện thoại màu đen nhãn hiệu XPhone, gắn số sim 01689736942, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Của Hoàng Thị B

- 01 (một) điện thoại vinaphone màu đen, có số IMEI: 353081030561156, có gắn số sim 01238310289, điện thoại cũ đã qua sử dụng. của Triệu Việt D

- 01 (một) điện thoại mobistar màu đỏ đen (loại bàn phím số), có số IMEI: 352217021444108, gắn số sim 01672085751, điện thoại cũ đã qua sử dụng. của Lê Thị H

Trả L

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng (gold) vỏ ngoài ghi chữ Iphone, có số IMEI 356563082357309, gắn số sim 0911751888. Của Lê Thị B

- 01 (một) điện thoại di động màu đen vỏ ngoài có ghi chữ Iphone, số IMEI 353811087364629, gắn số sim 0975361088 cho Nguyễn Hồng T

- 01 (một) điện thoại NOKIA 225 màu cam có số IMEI 356478068492824, gắn số sim 0948771898 cho Tô Thị L

- 01 (một) điện thoại Apple Iphone 7 plus màu đen có số IMEI: 353815081064721, có gắn số sim 0943292611, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Thùy N

- 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím bấm mặt trước màu đen, phím bấm màu xanh, có gắn 02 số sim 01699356864 và số 0963595523, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nông Thị L

* Tịch thu tiêu hủy các sổ sách, tài liệu liên quan đến lô, đề niêm phong trong 04 phong bì và 01 hộp cát tông hiện đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án.

- 01 (một) quyển vở HẢI TIỀN bìa ngoài có ghi "K.POP NEW" có 56 tờ giấy, trong đó có 01 tờ ghi các con số có nội dung liên quan đến số lô, số đề.

***Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như trong hồ sơ thể hiện và nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng đã truy tố và các điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Hòa An, Cao Bằng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2018. Lê Thị B và các đồng phạm khác đã có hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc bằng cách sử dụng điện thoại di động để nhắn tin cược lô, đề, xiên, ba số và lấy kết quả Xổ số kiến thiết miền Bắc hàng ngày để làm căn cứ trả thưởng. Cụ thể như sau:

- Bị cáo Lê Thị B đã nhận bảng ghi lô, đề từ các thư ký sau đó chuyển tiếp cho Nguyễn Thị Tú và Nguyễn Thị Thu H để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Trong 10 ngày, từ ngày 17/12/2017 đến ngày 28/12/2017 tổng số tiền người chơi lô, đề dùng để đánh bạc thông qua bị cáo B tổng số tiền 338.965.000 đồng, sau khi nhận được bảng lô, đề bị cáo chuyển cho T và H để hưởng tiền phần trăm

hoa hồng, thông qua đó được nhận số tiền phần trăm hoa hồng là **21.640.900 đồng**

- Bị cáo Nguyễn Thu T là người đã giúp Lê Thị B trong việc nhận bảng ghi lô, đề từ các thư ký trong tháng 12/2017. Trong 07 ngày, từ ngày 17/12/2017 đến ngày 28/12/2017 T đã nhận, tổng hợp giúp B các bảng ghi lô, đề từ 05 thư ký và số tiền trúng thưởng với tổng số tiền là 156.060.000 đồng. T không được hưởng lợi gì từ hành vi của mình.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H là người đã nhận bảng ghi lô, đề do Lê Thị B chuyển đến trong ngày 27/12/2017 với số tiền 48.000.000 đồng. Sau đó H chuyển tiếp cho người khác, qua đó H đã được nhận số tiền phần trăm hoa hồng là **243.500 đồng**.

- Bị cáo Tô Thị L là người nhận cược số lô, đề từ những người chơi sau đó tổng hợp thành bảng và chuyển cho Lê Thị B. Trong 28 ngày, từ 28/8/2017 đến 28/12/2017 L đã nhận cược lô, đề sau đó chuyển L cho B cùng với tiền trúng thưởng với tổng số tiền là 553.693.000 đồng, thông qua đó được nhận L số tiền phần trăm hoa hồng là **13.989.900 đồng**.

- Bị cáo Dương Thị S là người nhận cược số lô, đề từ những người chơi 65 lần, sau đó tổng hợp thành bảng và chuyển cho Lê Thị B cùng với số tiền trúng thưởng với tổng số tiền 265.467.000 đồng. Thông qua đó S được nhận L số tiền phần trăm hoa hồng là **5.261.800 đồng**.

- Bị cáo Lê Thị H là người trực tiếp nhận cược số lô, đề từ những người chơi sau đó tổng hợp thành bảng và chuyển cho Lê Thị B. Bị cáo đã 01 lần chuyển bảng cho B với số tiền là 5.450.000 đồng, thông qua đó H được nhận L số tiền phần trăm hoa hồng là **272.500 đồng**.

- Bị cáo Hoàng Thị B là người trực tiếp nhận cược số lô, đề từ những người chơi sau đó tổng hợp thành bảng và chuyển cho Lê Thị B. B đã 05 lần chuyển bảng cho B với số tiền là 4.923.000 đồng (tổng tiền khách dùng đánh bạc là 11.163.000 đồng), thông qua đó được nhận L số tiền phần trăm hoa hồng là **454.500 đồng**.

- Bị cáo Lục Thị M đã có 08 lần tham gia đặt cược tiền đánh bạc (lô) với Tô Thị L là 211.500.000đ, số tiền Lục Thị M dùng để cược và trúng thưởng trong mỗi lần thấp nhất là 9.000.000 cao nhất là 102.500.000 đồng.

- Bị cáo Đàm Thị Hồng G đã có 11 lần tham gia đặt cược tiền đánh bạc (lô, đề) với Tô Thị L là 111.600.000đ, số tiền Đàm Thị Hồng G dùng để cược và trúng thưởng trong mỗi lần thấp nhất là 8.000.000 đồng, cao nhất là 25.200.000 đồng.

- Bị cáo Triệu Việt D đã có 10 lần tham gia đặt cược tiền đánh bạc (lô, đề) với Tô Thị L là 786.000đ, số tiền Triệu Việt D dùng để đánh bạc trong mỗi lần thấp nhất là 30.000 đồng, cao nhất là 160.000 đồng.

[3] Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc của Lê Thị B và đồng bọn là rõ ràng, đã gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tự mình ghi, nhận số lô, số đề đã có quy định nghiêm cấm dưới mọi hình thức, nhưng do háo lợi nên các đối tượng vẫn cố tình vi phạm.

Hành vi của các bị cáo xảy ra ngày 28/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra , công an huyện Hòa An khởi tố, điều tra tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015; Các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu T, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H cược bạc với số tiền lớn, số tiền dùng đánh bạc trong một lần theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP là trên 20.000.000đ. Tuy nhiên việc áp dụng pháp luật hướng có lợi cho các bị cáo Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành bộ luật hình sự năm 2015, thi hành vi của các bị cáo thực hiện khi BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực, thêm vào đó, quy định về hình phạt tại BLHS năm 2015 là nặng hơn so với BLHS năm 1999 do đó Viện kiểm sát đề nghị truy tố tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 249 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp.

Đối với Lê Thị B là người có vai trò chính trong hành vi đánh bạc, rủ rê, lôi kéo người quen, những người cùng làm ăn, buôn bán tham gia vào hoạt động đánh bạc để hưởng lợi phần trăm. Sau đó, B chuyển bảng cho Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị T (tổng đại lý xổ số tại Hòa An). Tuy nhiên, cơ quan điều tra chỉ chứng minh được Biển cược bạc với Hiền trong ngày 27/12/2017 và với bà Tú (tổng đại lý xổ số tại Hòa An) trong ngày 22/12/2017. Hành vi của Biển đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại khoản 1 điều 249 BLHS năm 1999.

Ngoài ra, Lê Thị B còn có hành vi vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, Công an huyện Hòa An đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền theo điểm d, khoản 3, điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Tô Thị L, là thư ký ghi lô, đề và chuyển bảng cho B trong một thời gian dài; tổ chức cho nhiều người cược bạc để hưởng lợi phần trăm; trong ngày 26/12/2017, L nhận tin nhắn cược bạc của 10 khách đánh số lô, số đề và số tiền dùng đánh bạc trên 5.000.000đ. Hành vi của L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại khoản 1 điều 249 BLHS năm 1999.

Đối với Nguyễn Thu T không được hưởng lợi phần trăm nhưng có vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo B trong việc nhận bảng số lô, số đề của các con bạc, tổng hợp lại rồi gửi cho bị cáo B. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo và tự giác ra đầu thú, nhận tội. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại khoản 1 điều 249 BLHS năm 1999.

Đối với bị cáo H nhận bảng lô, đề với bị cáo B mặc dù bản thân bị cáo H biết rõ việc bị cáo B nhận lô đề với các con bạc rồi chuyển cho bị cáo H. Theo

như lời khai của bị cáo, sau khi nhận bảng lô, đề với bị cáo Biển, bị cáo khai chuyển bảng cho một người phụ nữ tên D ở Hà Nội để hưởng lợi phần trăm. Dựa vào tài liệu thu thập được và lời khai nhận của bị cáo thì hành vi của bị cáo Hiền đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại khoản 1 điều 249 BLHS năm 1999.

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời khai nhận của các bị cáo cùng những người có liên quan, xét thấy:

Đối với bị cáo S, do gọi điện trực tiếp để đọc bảng đề khi chuyển bảng cho bị cáo Biển nên cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào sổ sách thu giữ được tại nhà bị cáo và chứng minh được từ ngày 25/10/2017 đến ngày 28/12/2017, có 16 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ và dưới 20.000.000đ.

Đối với bị cáo D, số tiền cược bạc dưới 5.000.000đ nhưng đã có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc và tàng trữ trái phép chất ma túy. Căn cứ bản án số 08/2017/HSST, ngày 03/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An đối với Triệu Việt D về tội đánh bạc, mức phạt tiền 10.000.000đ.

Đối với bị cáo G là con bạc cược bạc với số tiền lớn, kết quả điều tra chứng minh được, trong 11 ngày bị cáo cược bạc với số tiền trên 5.000.000đ và ngoài ra bị cáo có hành vi đánh bạc đã bị xử lý ở một vụ án khác. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, G đã thành khẩn khai báo, tự giác ra đầu thú, nhận tội.

Đối với bị cáo H là thư ký ghi lô, đề và chuyển bảng cho bị cáo B trong một thời gian dài, tuy nhiên sau khi biết bị cáo B bị bắt, bị cáo H đã xóa hết tin nhắn trong điện thoại, cơ quan điều tra chỉ chứng minh được 01 ngày 28/12/2017 Huệ chuyển số lô, đề với B tổng số tiền trên 5.000.000đ và dưới 50.000.000đ.

Đối với bị cáo B là thư ký ghi lô, đề và chuyển bảng cho bị cáo B, cơ quan điều tra chứng minh được số tiền dùng đánh bạc trong một ngày (ngày 23/12/2017) là 5.000.000đ.

Như vậy các hành vi của các bị cáo S, G, D, H, B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999.

Đối với bị cáo M là con bạc, cược bạc với số tiền lớn, cơ quan điều tra chứng minh được có 02 ngày số tiền dùng đánh bạc trên 50.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999.

Trong vụ án này, ngoài các bị cáo nêu trên có nhiều đối tượng khác gồm: Nông Thị L, Nguyễn Thị Thùy N, Nguyễn Thị T (là những người đã nhận, chuyển bảng lô đề với Lê Thị B); Lục Văn A; Lý Văn T, Sầm Văn L, Nông Vũ T, Nông Thị U, Đàm Hồng S, Lục Thị H, Lý Thị D, Nông Thị L, Lục Thị L, Lý Thị T, Trương Thị T, Nông Thị P, Hoàng Thị R, Nông Thị Đ, Sầm Thị L, Bé Thị D (là những người đã đặt cược đánh lô, đề với Tô Thị L). Tuy nhiên qua điều tra xác định được số tiền sử dụng để đặt cược và thưởng mỗi lần chơi của các đối tượng này đều dưới 5.000.000 đồng, các đối tượng này cũng chưa có tiền án nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng các hình thức cảnh cáo và phạt tiền để răn đe giáo dục.

Đối với Nguyễn Hồng T (là chồng của bị cáo B): Anh T có biết về việc bị cáo B nhận bằng ghi lô, đề tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, căn cứ nào chứng minh anh T có tham gia việc ghi số lô, số đề trái phép nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hồng T trong vụ án này. Về hành vi cho vay lãi suất cao của vợ chồng T - B, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính để răn đe, giáo dục.

Ngoài các đối tượng trên, trong quá trình điều tra bị can Nguyễn Thị Thu H khai nhận đã chuyển bằng đề sau khi nhận từ Lê Thị B cho một người phụ nữ tên là D (không rõ tên, tuổi) ở Hà Nội để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Tuy nhiên do chiếc điện thoại của H thường sử dụng đã bị mất, H cũng không nhớ các thông tin về bà D nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ và xử lý trong vụ án này.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết về pháp luật nhất định nhưng vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý và nhằm mục đích thu lợi bản thân. Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc của các bị cáo là trái pháp luật, đã xâm phạm vào an toàn trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự, trị an. Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo thực hiện, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu T, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lục Thị M về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 1999 quy định:

"1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với quy mô lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này và Điều 248 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm."

Điều 248 BLHS năm 1999 quy định:

"1. Người nào đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này và Điều 249 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm."

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

....

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn;

.... "

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật đối với các bị cáo này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo này, xét thấy đây là vụ án phạm tội thuộc trường hợp có đồng phạm giản đơn, không có sự phân công từ trước mà do thông qua việc làm ăn bị cáo đã đặt vấn đề với các chủ đại lý về việc nhận ghi lô, đề của những người chơi tại địa phương. Tuy nhiên bị cáo B là người có vai trò chính trong việc đánh bạc, rủ rê, lôi kéo người quen, những người cùng làm ăn, buôn bán tham gia vào việc đánh bạc để hưởng lợi phần trăm. Hội đồng xét xử căn cứ vào mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo nhận thấy: Các bị cáo (trừ bị cáo D) đều có nhân thân tốt; là những công dân lao động B thường, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì ham lợi trước mắt và thích đánh lô, đề nên đã nhất thời phạm tội, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cùng nhận thức được việc tổ chức đánh bạc, đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, tỏ rõ được thái độ hối lỗi về hành vi sai trái của mình.

Để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật HĐXX xét thấy không nhất thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội làm ăn lương thiện, để các bị cáo tự kiểm điểm L hành vi của mình, nhưng cũng cần phải có một hình phạt tương ứng để nhằm mục đích răn đe bản thân các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy đối với các bị cáo cần xử phạt nặng về kinh tế, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo (trừ bị cáo Lục Thị M). Đối với vụ án này, các bị cáo đều là những người có sức khỏe, đang độ tuổi lao động, cần có một hình phạt về kinh tế đối với hành vi phạm tội là phù hợp quy định pháp luật mà vẫn đảm bảo được tính giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Đối với bị cáo B có nhân thân tốt; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; và bố đẻ có thành tích trong kháng chiến và được tặng bằng khen của Nhà Nước, Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra khai thác mở rộng điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 21.640.900đ thu lợi bất chính ngày 22/10/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An , các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Tình tiết tăng nặng bị cáo phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Số tiền người chơi lô đề đã dùng để đánh bạc với chủ đề thông qua bị cáo B trong 10 ngày là 338.965.000đ. Riêng ngày 28/12/2017 bị cáo nhận bằng đề từ các thư ký với tổng số tiền là 18.635.000đ nhưng chưa kịp chuyển cho ai khác thì bị phát hiện, bắt quả tang. Thông qua việc nhận, chuyển bằng đề thì bị cáo thu lợi được số tiền 21.640.900 đ. Như vậy số tiền bị cáo phạm tội khá lớn, với vai trò chính nên phải chịu mức hình phạt tiền cao hơn so với các bị cáo khác là tương xứng phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với bị cáo Tô Thị L có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Có 01 tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt; thật thà khai báo, ăn năn hối cải ; Bố đẻ có công với cách mạng, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo phạm tội là 533.693.000đ, qua đó bị cáo được hưởng tiền phần trăm hoa hồng là 13.989.900đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền cao hơn các bị cáo khác là tương xứng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H có 01 tình tiết giảm nhẹ: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: không. Số tiền người chơi đã dùng đánh bạc với chủ đề thông qua bị cáo ngày 27/12/2017 là 96.000.000đ , qua đó bị cáo được hưởng tiền phần trăm hoa hồng là 243.500đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền trên mức khởi điểm là tương xứng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Trong quá trình điều tra khi biết bị cáo B bị bắt quả tang về hành vi ghi lô đề trái phép, bị cáo tự giác đến công an Hòa An đầu thú; bản thân chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (bị cáo giúp sức với vai trò thứ yếu); Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự . có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Số tiền người chơi đã dùng đánh bạc với chủ đề thông qua bị cáo là 156.060.000đ , qua đó bị cáo không được hưởng lợi gì , khi chuyển bảng lô, đề giúp bị cáo B. Tuy nhiên bị cáo là người tổng hợp bảng từ các thư ký, với vai trò giúp sức cho bị cáo B. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền với mức trung B của khung hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của bị cáo gây ra.

- Đối với bị cáo Dương Thị S, có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Có 02 tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Số tiền người chơi đã dùng đánh bạc với chủ đề thông qua bị cáo trong 65 ngày là 265.467.000đ , trong đó có 16 ngày số tiền người chơi dùng đánh bạc trên 5.000.000đ dưới 20.000.000đ, qua đó bị cáo được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là 5.261.800đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền trên mức trung B của khung hình phạt là tương xứng.

- Đối với bị cáo Hoàng Thị B, có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Có 02 tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; và bố đẻ có công với cách mạng, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Số tiền người chơi đã dùng đánh bạc với chủ đề thông qua bị cáo trong 05 ngày là 11.163.000đ , (Riêng ngày 23/12/2017 số tiền khách dùng đánh bạc thông qua bị cáo 5.000.000đ), qua đó bị cáo được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là 454.500đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền với mức trung B của khung hình phạt là tương xứng.

. - Đối với bị cáo Lê Thị H, tình tiết tăng nặng không có. Có 02 tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Số tiền bị cáo đã dùng đánh bạc với bị cáo B số tiền là 5.450.000đ , qua đó bị cáo được hưởng lợi số tiền phần trăm hoa hồng là 272.500đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền với mức trung B của khung hình phạt là tương xứng.

Ngoài ra các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thị Thu H, Tô Thị L, Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B còn phải tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền mà bị cáo thu lời bất chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với bị cáo Lục Thị M có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Có 01 tình tiết giảm nhẹ có nhân thân tốt; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo được Hội người cao tuổi xã Đ, huyện H tặng giấy khen năm 2017 và bố để có công với cách mạng , các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong 8 ngày số tiền bị cáo đặt cược chơi “lô” với bị cáo L là 211.500.000đ, trong đó có 02 ngày số tiền đặt cược và trúng thưởng là trên 50.000.000đ. Do đó cần áp dụng hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác cùng phạm tội này. Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương mà vẫn cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội nói riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Xét bị cáo nghề nghiệp cán bộ nghỉ hưu, có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Đối với bị Bị cáo Đàm Thị Hồng G có 01 tình tiết tăng nặng “ phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ngoài hành vi đánh bạc bị xử lý trong vụ án này, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An xét xử về cùng hành vi đánh bạc trong một vụ án khác cụ thể tại bản án số 12/2018/HS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xử phạt tiền 12.000.000đ về tội Đánh bạc, Bản án đã có hiệu lực pháp luật trước khi xét xử vụ án này. Tuy nhiên các hành vi đánh bạc này xảy ra cùng một khoản thời gian nên không xem xét để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tái phạm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.; Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; khi biết cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án đã đến cơ quan Công An huyện Hòa An để đầu thú, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo đặt cược với bị cáo L trong 11 ngày là 111.600.000đ , trong tất cả 11 ngày nói trên mỗi ngày bị cáo dùng để cược và trúng thưởng đều trên 5.000.000đ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt và số tiền phải cao hơn so với bản án ngày 22/5/2018 là tương xứng.

- Đối với bị Bị cáo Triệu Việt D . Về nhân thân bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 08/2017/HS-ST ngày 03/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xử phạt tiền 10.000.000đ về tội “Tổ chức đánh bạc”; Chấp hành xong bản án ngày 28/5/2018. Số tiền bị cáo đặt cược với bị cáo L trong 10 ngày (từ 01/12/2017 đến 16/12/2017) là 786.000đ. Đây là số tiền không lớn, dưới mức quy định của Bộ luật hình sự về hành vi đánh bạc nhưng do bị cáo là người có

tiền án nên không được áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; Tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo đã bị xử về loại tội này nên đối với mức hình phạt cần xử mức hình phạt tiền cao hơn bản án trước là tương xứng.

[4] **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng năm 2015.

- 05 (năm) phong bì màu trắng tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia;

Trong đó:

+ 01 phong bì màu trắng niêm phong số tiền 118.185.000đ là tiền của bị cáo B có nguồn gốc do bán hàng phân lân, phạm không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho bị cáo Lê Thị B.

+ 04 phong bì màu trắng niêm phong các giấy tờ liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 04 (bốn) phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia (Tổng số tiền: 10.020.000,đ *Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); đây là số tiền thu giữ của bị cáo Tô Thị L số tiền 3.570.000đ;; Người liên quan Tô Thị Thùy N số tiền 1.770.000đ; Người liên quan Nông Thị L số tiền 2.600.000đ không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Dương Thị S số tiền 2.080.000đ (trong số tiền này có 1.333.500đ là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước, số tiền còn L 746.500đ không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật).

- Đối với: 01 (một) hộp cát tông đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia; 01 (một) quyển vở HẢI TIẾN bìa ngoài có ghi "K.POP NEW" có 56 tờ giấy, trong đó có 01 tờ ghi các con số có nội dung liên quan đến số lô, số đề đây là hộp đựng các giấy tờ và vở để ghi lô, đề liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại để sung công quỹ Nhà Nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu trắng vỏ ngoài có ghi chữ Iphone, số IMEI 355673073062288, gắn sim số 01683125188; là của bị cáo Lê Thị B.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu bạc trắng, số IMEI 1: 865266034566993. Số thuê bao 0989496450; là của bị cáo Dương Thị S.

+ 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A3 màu đen có số IMEI: 357572062602211, gắn sim số 0977926533; là của bị cáo Tô Thị L

+ 01 (một) điện thoại NOKIA 105 màu đen có số IMEI 3357289081151928, gắn sim số 0979119118; là của bị cáo Đàm Thị Hồng G.

+ 01 (một) điện thoại MASTEL màu đen, số IMEI 301014164911551, gắn sim số 01684296729; là của bị cáo Lục Thị M.

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Xphone, có gắn số thuê bao 0168973642, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Hoàng Thị B.

+ 01 (một) điện thoại vinaphone màu đen, có số IMEI 353081030561156, có gắn sim số 01238310289, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Triệu Việt D

+ 01 (một) điện thoại mobistar màu đỏ đen (loại bàn phím số), có số IMEI 352217021444108, có gắn sim số 01672085751, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Lê Thị H.

- Hoàn trả các điện thoại không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu vàng (gold) vỏ ngoài ghi chữ Iphone, số IMEI 356563082357309, gắn sim số 0911751888; hoàn trả cho bị cáo Lê Thị B.

+ 01 (một) điện thoại NOKIA 225 màu cam có số IMEI 356478068492824, gắn sim số 0948771898; hoàn trả cho bị cáo Tô Thị L.

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím bấm mặt trước màu đen, phím bấm màu xanh, số IMEI 355480028790009, IMEI 355480029305005 có gắn 02 sim số 01699356864 và số 0963595523, điện thoại cũ đã qua sử dụng; hoàn trả cho chị Nông Thị L

+ 01 (một) điện thoại Apple Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 353815081064721 đã qua sử dụng, có gắn sim số 0943292611; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy N.

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen vỏ ngoài có ghi chữ Iphone, số IMEI 353811087364629, gắn sim số 0975361088; hoàn trả cho anh Nguyễn Hồng T.

[5] **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm, sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố :

- Các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu Thủy, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H phạm tội : “ **Tổ chức đánh bạc**”

- Các bị cáo Lục Thị M, Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D phạm tội : “ **Đánh bạc**”

2. Về điều luật áp dụng:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điều 20; Điều 30; Điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Thị B.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điều 20; Điều 30; Điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Tô Thị L (tên gọi khác Tô Thị L),

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điều 20; Điều 30; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điều 20; Điều 30; Điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thu T.

2.5. Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20; Điều 60; Điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lục Thị M.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Dương Thị S (tên gọi khác Dương Thị L).

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Thị H,

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hoàng Thị B.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đàm Thị Hồng G.

2.10. Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Triệu Việt D.

3. Về hình phạt:

3.1. Phạt bị cáo Lê Thị B số tiền 60.000.000,đ (*sáu mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lời bất chính 21.640.900,đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng*) sung quỹ Nhà nước (Xác nhận bị cáo B đã nộp tại biên lai số AB/2012/03105 ngày 22/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, Cao Bằng).

3.2. Phạt bị cáo Tô Thị L số tiền 40.000.000,đ (*Bốn mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lời bất chính 13.989.900,đ (*Mười ba triệu chín trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng*) sung quỹ Nhà nước.

3.3. Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H số tiền 20.000.000,đ (*Hai mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính 243.500đ (*Hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*) sung quỹ Nhà nước.

3.4. Phạt bị cáo Nguyễn Thu T số tiền 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

3.5. Phạt bị cáo Dương Thị S số tiền 25.000.000,đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính 5.261.800đ (*Năm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng*) sung quỹ Nhà nước.

3.6. Phạt bị cáo Lê Thị H số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải nộp L số tiền thu lời bất chính 272.500đ (Hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) sung quỹ Nhà nước

3.7. Phạt bị cáo Hoàng Thị B số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải nộp L số tiền thu lời bất chính 454.500đ (Bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng) sung quỹ Nhà nước

3.8. Phạt bị cáo Đàm Thị Hồng G số tiền 20.000.000,đ (Hai triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3.9. Phạt bị cáo Triệu Việt D số tiền 15.000.000,đ (Mười năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3.10. Phạt bị cáo Lục Thị M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/10/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Cao Bằng giám sát, quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành . Bản thân và gia đình bị cáo phải có trách nhiệm phối kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Cao Bằng trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở L thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt bị cáo Lục Thị M phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- 05 (năm) phong bì màu trắng tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia; Trong đó có 01 phong bì màu trắng niêm phong số tiền của bị cáo B và 04 phong bì màu trắng niêm phong các giấy tờ liên quan đến việc đánh bạc.

- Hoàn trả cho các bị cáo:

+ Hoàn trả cho bị cáo Lê Thị B 01 phong bì màu trắng niêm phong số tiền 118.185.000đ là tiền của bị cáo B

Đối với: 04 (bốn) phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia (Tổng số tiền: 10.020.000,đ Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng); Trong đó:

+ Hoàn trả cho bị cáo Tô Thị L số tiền 3.570.000đ Trong 01 phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia.

+ Hoàn trả cho bị cáo Dương Thị S số tiền 746.500đ (trong tổng số tiền 2.080.000đ); trong 01 phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia.

+ Hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền 1.770.000đ; trong 01 phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia.

+ Hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị L số tiền 2.600.000đ. trong 01 phong bì màu trắng tiền tang vật vụ án đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia.

Số tiền đã thu giữ của các bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 04 phong bì màu trắng niêm phong đã được niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia.

+ 01 (một) hộp cát tông đã niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia;

+ 01 (một) quyển vở HẢI TIẾN bìa ngoài có ghi "K.POP NEW" có 56 tờ giấy, trong đó có 01 tờ ghi các con số có nội dung liên quan đến số lô, số đề;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước số tiền 1.333.500đ của bị cáo Dương Thị S (trong tổng số tiền 2.080.000đ).

- Tịch thu, phát mại để sung công quỹ Nhà Nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu trắng vỏ ngoài có ghi chữ Iphone, số IMEI 355673073062288, gắn sim số 01683125188; là của bị cáo Lê Thị B.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu bạc trắng, số IMEI 1: 865266034566993. Số thuê bao 0989496450; là của bị cáo Dương Thị S.

+ 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A3 màu đen có số IMEI: 357572062602211, gắn sim số 0977926533; là của bị cáo Tô Thị L

+ 01 (một) điện thoại NOKIA 105 màu đen có số IMEI 357289081151928, gắn sim số 0979119118; là của bị cáo Đàm Thị Hồng G.

+ 01 (một) điện thoại MASTEL màu đen, số IMEI 301014164911551, gắn sim số 01684296729; là của bị cáo Lục Thị M.

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Xphone, có gắn số thuê bao 01689736942, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Hoàng Thị B.

+ 01 (một) điện thoại vinaphone màu đen, có số IMEI 353081030561156, có gắn sim số 01238310289, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Triệu Việt D

+ 01 (một) điện thoại mobistar màu đỏ đen (loại bàn phím số), có số IMEI 352217021444108, có gắn sim số 01672085751, điện thoại cũ đã qua sử dụng; là của bị cáo Lê Thị H.

- Hoàn trả các điện thoại cho chủ sở hữu gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu vàng (gold) vỏ ngoài ghi chữ Iphone, số IMEI 356563082357309, gắn sim số 0911751888; là của bị cáo Lê Thị B.

+ Hoàn trả cho bị cáo Tô Thị L 01 (một) điện thoại NOKIA 225 màu cam có số IMEI 356478068492824, gắn sim số 0948771898;

+ Hoàn trả cho chị Nông Thị L 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím bấm mặt trước màu đen, phím bấm màu xanh, số IMEI 355480028790009, IMEI 355480029305005 có gắn 02 sim số 01699356864 và số 0963595523, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy N 01 (một) điện thoại Apple Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 353815081064721 đã qua sử dụng, có gắn sim số 0943292611;

+ Hoàn trả cho anh Nguyễn Hồng T 01 (một) điện thoại di động màu đen vỏ ngoài có ghi chữ Iphone, số IMEI 353811087364629, gắn sim số 0975361088;

Xác nhận vật chứng của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản được lập ngày 12/9/2018 giữa cơ quan Công an huyện Hòa An và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị B, Nguyễn Thu T, Tô Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Lục Thị M, Dương Thị S, Lê Thị H, Hoàng Thị B, Đàm Thị Hồng G, Triệu Việt D mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng
- Công an huyện Hòa An;
- Chi cục THA DS huyện HA;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã kí*)

Nguyễn Thị Dong